TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2018
V/v tranh chấp HNGĐ - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa:* Ông **Trần Văn Đô;**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Hồ Thị Mai Hương**
  Ông **Phạm Phước Tâm**

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà **Võ Thị Kim Hoa** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 722/2017/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 18, Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Tổ 18, Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2017; biên bản hòa giải ngày 29/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày*:**

- Về hôn nhân: Chị N và anh P kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang ngày 25/7/2005. Trong thời gian đầu sống chung vợ chồng rất hạnh phúc. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013, nguyên nhân do anh P không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên về trễ. Chi N có khuyên can nhiều lần nhưng anh P không thay đổi. Đến năm 2014, dù vợ

chồng vẫn còn sống chung nhưng mâu thuẫn đã trầm trọng nhưng không ai nói chuyện với nhau. Anh P làm đơn khởi kiện xin ly hôn nhưng đã rút đơn khởi kiện. Ngày 01/9/2017 anh P có làm tờ cam kết sửa đổi để vợ chồng tiếp tục chung sống với nhau nhưng anh P vẫn không thay đổi.

Xét thấy hôn nhân không đạt được mục đích. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009, hiện đang sống chung với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi 02 con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Trong quá trình sống chung vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 29/12/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P thừa nhận thời gian chung sống với nhau, cũng như việc vợ chồng có đăng ký kết hôn như chị N trình bày.

Vợ chồng sống chung không có mâu thuẫn, nhưng không ai quan tâm lẫn nhau. Anh có vài lần chủ động hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, chị N không cho anh cơ hội để hàn gắn. Anh P thừa nhận tờ cam kết ngày 01/9/2017 do chị N cung cấp anh có biết nội dung và ký tên. Chị N làm đơn xin ly hôn là do anh không thực hiện theo cam kết.

Nay anh P cho rằng vợ chồng có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009, hiện đang sống chung với chị N. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý để 02 con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Thống nhất không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ gồm:

1. Giấy chứng nhận kết hôn Nguyễn Văn P – Nguyễn Thị Bích N, ngày đăng ký 25/7/2005 do UBND xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp (Bản chính);

2. Giấy trích lục khai sinh Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 (Bản sao);

3. Giấy khai sinh Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009 (Bản sao);

4. Bản tự khai Nguyễn Ngọc Y, Nguyễn Minh Đ, đề ngày 12/12/2017.

Các tài liệu trong hồ sơ các đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 29/12/2017. Tại phiên tòa chị N nộp bổ sung tờ cam kết ngày 01/9/2017 ghi trên giấy tập học sinh có chữ ký của anh Nguyễn Văn P. Anh P thừa nhận chữ ký trong tờ cam kết do anh ký và viết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Bích N có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật trong vụ án này là *"Tranh chấp hôn nhân gia đình - Xin ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung"*.

Anh Nguyễn Văn P là người bị kiện hiện đang cư trú tại ấp 2, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh P sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C (nay là thị xã C), tỉnh Tiền Giang ngày 25/7/2005. Xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp, chị N yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ. Bởi vì, chị N và anh P đều thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn nhau. Hiện nay mặc dù vợ chồng vẫn còn sống chung nhưng không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh P có làm tờ cam kết với chị N là sẽ thay đổi để duy trì cuộc sống vợ chồng với nhau nhưng anh P vẫn không thay đổi. Anh P cho rằng vẫn còn thương vợ không đồng ý ly hôn nhưng anh P không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Chị N và anh P thừa nhận có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Căn cứ vào bản tự khai, cháu Y và cháu Đ có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Đồng thời, chị N và anh P thỏa thuận như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Xét thấy đây là sự thỏa thuận tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Chị N và anh P thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có nợ chung.

[3] **Về án phí:**

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án:

Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 03826 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh P phải nộp 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích N.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích N được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh P như sau:

Chị Nguyễn Thị Bích N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Y, sinh ngày 09/8/2006 và Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 26/6/2009. Anh P đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, tương ứng từng thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Chị N và anh P không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh P trình bày không có.

2. **Về án phí**:

Chị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai số 03826 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Anh P phải nộp 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về cấp dưỡng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên tòa

Trần Văn Đô